

XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Ở ĐHQGHN PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

ThS. Lê Nữ Quỳnh Nga

Ban Khoa học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang diễn ra mạnh mẽ trong mấy thập kỷ gần đây, đã làm thay đổi căn bản kỹ thuật và công nghệ sản xuất. Nhờ các thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ mà trong 27 năm từ năm 1970 đến năm 1997, loài người đã làm ra một khối lượng của cải bằng 270 năm trước đó. Chính cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới này đã tạo ra những điều kiện để thúc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hoá, đồng thời nó buộc phải đổi mới tư duy giáo dục cho ngang tầm với trình độ tư duy kinh tế và tư duy kỹ thuật của thời đại. Ngày nay khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp như Mác đã dự đoán, còn công nghệ được đổi mới nhanh chóng. Trình độ dân trí và tiềm lực khoa học, công nghệ đã trở thành nhân tố quyết định sức mạnh và vị thế của mỗi quốc gia trên thế giới.

Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội (Văn kiện đại hội Đảng lần thứ IX, tr146).

Việt Nam đang cùng nhân loại bước sang thế kỷ XXI, thế kỷ của xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế. Chúng ta đang đứng trước nhu cầu hội nhập quốc tế và thực tế, Việt Nam đã trở thành thành viên của ASEAN (tháng 7/1995), thành viên của APEC (tháng 10/1998) điều đó

đòi hỏi chúng ta phải có tiềm lực khoa học - kỹ thuật cùng với một năng lực nội sinh vững chắc, để có thể hội nhập với khu vực và thế giới.

Những kết quả và thành tựu đã đạt được về chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục, y tế v.v là kết quả của sự hội tụ những nhân tố chủ quan và khách quan và quan trọng là chiến lược con người đã tạo nên động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến trình phát triển của xã hội. Theo số liệu của báo cáo về phát triển nguồn nhân lực của các nước trên thế giới năm 1996 do Liên hiệp quốc UNDP công bố thì Việt Nam là nước có sự phát triển nhân lực trung bình HDI (Human Development Index) đứng thứ 121 trong tổng số 174 nước. Trong năm 2001 Việt Nam tăng 7 chỉ số về phát triển con người. Việt Nam xếp thứ 101 trong tổng số hơn 170 quốc gia được xếp hạng về HDI, nếu so với những nước có thu nhập bình quân đầu người tương đương thì Pakistan là 127, Ghinê 126.

Kinh nghiệm các nước trên thế giới và khu vực cho thấy ở đâu, con người có trình độ học vấn, trình-độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có sức khoẻ và đạo đức nghề nghiệp tốt, thì ở đó có điều kiện đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế. Vì vậy hầu hết các nước trên thế giới đã lựa chọn đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao (trong đó có nguồn nhân lực KH-CN) để đảm bảo cho sự phát triển bền vững⁽¹⁾.

Nguồn nhân lực có chất lượng cao về trí tuệ và tay nghề ngày càng trở thành một lợi thế cạnh tranh cho mỗi quốc gia. Vì vậy trên thế giới hầu hết các quốc gia coi giáo dục đào tạo là chính sách ưu tiên hàng đầu. Do đó đầu tư cho con người, đầu tư cho giáo dục, đào tạo là đầu tư cho phát triển và các nước đều tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Năm 1995, tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục và đào tạo so với GDP của một số nước khu vực như Hàn Quốc là 3,7%, Thái Lan là 4,2%, Malaysia là 5,3%, các nước phát triển như Anh là 5,3%, Mỹ là 3%, Úc là 5,6% và Canada là 7,3%⁽²⁾. Ở Việt Nam đã từ lâu Đảng và Chính phủ coi đầu tư cho giáo dục là quốc sách hàng đầu. Việt Nam là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển (thu nhập quốc dân trên đầu người năm 1998 mới ở mức 352 USD xong đã có sự cố gắng rất lớn đầu tư cho giáo dục, tổng chi ngân

⁽¹⁾ Trích báo cáo của GS.TS. Nguyễn Đình Hương, Hiệu trưởng Trường ĐHKQTĐ, trong cuốn *ky' yếu hội thảo CNH,HDH: Mục tiêu, Nội dung, và Phương thức*

⁽²⁾ Số liệu của GS.TS. Nguyễn Đình Hương.

sách Nhà nước cho giáo dục của Việt Nam năm 2000 là 12% và đang phấn đấu đạt 15% trong những năm tới, tuy nhiên so với các nước trong khu vực và trên thế giới thì sự đầu tư ngân sách của chúng ta cho giáo dục và đào tạo vẫn còn thấp so với yêu cầu.

Mục tiêu tổng quát của chiến lược 10 năm (2001 - 2010) mà Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra là: "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"⁽³⁾.

Tuy nhiên, chúng ta đang đứng trước thách thức to lớn, thiếu nguồn lực tri thức KHCN; giáo dục - đào tạo nước ta còn nhiều yếu kém, bất cập cả về quy mô, cơ cấu và nhất là chất lượng và hiệu quả.

Vì vậy, giáo dục - đào tạo những người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền khoa học, công nghệ hiện đại là một khâu quan trọng nhất trong chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCH Trung ương Đảng (khoá VIII) đã khẳng định "Giáo dục phải làm tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, đội ngũ lao động có trí tuệ cao cho khoa học..."

I. NGUỒN NHÂN LỰC KHCN LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU CÓ TÍNH QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Khái niệm nhân lực khoa học và công nghệ được hiểu như sau: nhân lực khoa học và công nghệ là tập hợp những nhóm người tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ với các chức năng nghiên cứu sáng tạo, giảng dạy, quản lý, khai thác sử dụng và tác nghiệp, góp phần

⁽³⁾ Trích văn kiện đại hội Đảng lần IX, tr 159.

quyết định tạo ra sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, của sự phát triển sản xuất và xã hội.

Nền kinh tế tri thức đề ra nhu cầu lớn đối với giáo dục và đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực có trí tuệ cao, trong bối cảnh trên, việc đầu tư vào con người, việc phát triển giáo dục - đào tạo đang trở thành vấn đề sống còn của mỗi quốc gia. 74 nhà bác học được giải thưởng Nobel tổ chức Hội nghị "Những đe dọa và hứa hẹn ở ngưỡng cửa thế kỷ XXI" ở Paris năm 1998 đã khuyến cáo: "Giáo dục cần được ưu tiên tuyệt đối trong mọi ngân sách để có thể góp phần nâng cao khả năng sáng tạo của con người"⁽⁴⁾

Trên thực tế chúng ta thấy những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã và đang đẩy nhanh sự phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, làm chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của các quốc gia và làm thay đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội loài người, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại với những bước tiến khổng lồ "một ngày bằng hai mươi năm".

Kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy, một nền kinh tế phát triển, thực hiện được công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH), có tốc độ tăng trưởng cao, chỉ có thể dựa trên cơ sở một nền khoa học công nghệ (KH-CN) phát triển, trong đó, yếu tố quan trọng hàng đầu có tính quyết định là nguồn nhân lực KH-CN. Đặc biệt đối với nước ta, Đảng và Nhà nước ta luôn coi "Nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định sự phát triển KH-CN, thực hiện CNH, HĐH đất nước, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp".

Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng nói "Phi trí bất hưng", nghĩa là đất nước thiếu vắng đội ngũ trí thức thì không thể chấn hưng được.

Nước Pháp, hai trăm trí thức hàng đầu đã làm cho đất nước nổi lên ở Châu Âu. Kinh tế Hàn Quốc cất cánh được là nhờ dựa vào hơn một trăm trí thức cao cấp. Năm 1990 nước Mỹ suy tôn một trăm nhà trí thức được coi là những người có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nước

⁽⁴⁾ Trích báo cáo của GS.TS. Đặng Bá Lâm, Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục, *kỷ yếu hội thảo CNH, HĐH: Mục tiêu, Nội dung và Phương thức.*

Mỹ. Nhật Bản cho rằng thành công trong phát triển kinh tế của họ là nhờ bộ ba chiến lược: Giáo dục - khoa học - mở cửa⁽⁵⁾.

Xu hướng toàn cầu hoá về phương diện kinh tế đòi hỏi cao đối với chất lượng nguồn nhân lực (có nghĩa là đòi hỏi cao về chất lượng giáo dục và đào tạo). Từ nay đến năm 2020, Việt Nam phải trở thành một nước công nghiệp, muốn vậy chúng ta phải đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH. Để thực hiện mục tiêu này Việt Nam phải dựa vào và bằng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Trong đó KHCN là động lực cơ bản của CNH, HĐH, đồng thời là mục tiêu định hướng của giáo dục và đào tạo. Trong thời đại ngày nay, CNH, HĐH đất nước chính là quá trình vận dụng các thành tựu công nghệ để xây dựng một nền kinh tế có năng suất và hiệu quả cao dựa trên sự đổi mới công nghệ, nhằm chuyển hệ thống kinh tế - xã hội của đất nước từ trạng thái năng suất thấp, sử dụng lao động thủ công là chính chuyển sang một hệ thống có năng suất cao. Điều đó có nghĩa là CNH, HĐH là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành có hàm lượng KHCN cao. Muốn vậy phải có đội ngũ các nhà khoa học, lực lượng lao động có trí tuệ cao. Trong cuộc ganh đua ráo riết hiện nay của các nước khi tiến vào thế kỷ XXI, KHCN được sử dụng như một nguồn sinh lực mới, để xây dựng năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia, tạo ra tăng trưởng kinh tế và đảm bảo việc làm cho mọi người dân. Như vậy, nguyên nhân sâu xa của sự tụt hậu kinh tế đối với mỗi quốc gia là do tụt hậu về KHCN vì một khi nền KHCN bị tụt hậu thì đất nước sẽ không thể tiến hành CNH, HĐH. Một đất nước mà nền kinh tế tăng trưởng chỉ dựa trên yếu tố tài nguyên thiên nhiên và lợi thế về nguồn nhân công rẻ mà không xây dựng được một tiềm lực nội sinh mạnh về KHCN thì đất nước sẽ không những bị phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài, mà còn dẫn đến những nguy hại cho nền độc lập và tự chủ của mỗi quốc gia. Khi nghiên cứu sự phát triển của các quốc gia Marshall và Tueker (1992) đã đi đến kết luận: ngày nay, tương lai thuộc về những xã hội nào quản lý được việc giáo dục và đào tạo ... các quốc gia khao khát có thu nhập cao và có đầy đủ công việc cho mọi người dân thì phải phát triển chính sách giáo dục và đào tạo để mọi người có kiến thức, kỹ năng khoa học công nghệ, tức nâng cao dân trí ở mức độ cao. Kết quả nghiên cứu của World Bank về

⁽⁵⁾ Trình trong cuốn phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, tr 4.

"Sự thần kỳ" của các nước Đông Á cho thấy, phần lớn tăng trưởng của các nước này là do giáo dục và đào tạo; khoảng 60% của tăng trưởng kinh tế là nhờ vào sự tích lũy vốn vật chất và con người. Bởi vì giáo dục và đào tạo có khả năng điều chỉnh các công nghệ mới, nghĩa là điều chỉnh sự phát triển KHCN và khả năng thực hiện việc nâng cao năng suất. Đối với các nước kém phát triển, cuộc cách mạng KHCN là sự thách thức lớn, vì đây là cuộc chạy đua không cân sức. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, những nước "đi sau" vẫn có điều kiện, vận hội để tiến hành CNH, HĐH nhanh nếu biết sử dụng những cơ hội tốt và có bước đi thích hợp, có bản lĩnh vững vàng, có năng lực nội sinh mạnh mẽ về KHCN, có những chính sách đúng đắn thì có nhiều cơ hội "đi tắt" "đón đầu" đạt được những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội kỳ diệu chỉ trong vòng vài chục năm. Ngược lại nếu những nước đó không có chiến lược, sách lược đúng đắn, bỏ qua những thời cơ, không xây dựng được năng lực nội sinh về KHCN sẽ rơi vào thế chậm phát triển, dẫn đến bị lệ thuộc vào nước ngoài từ KHCN, đến kinh tế, chính trị.

Nước ta là nước "đi sau" về phát triển kinh tế, tiến hành CNH, HĐH trong điều kiện đặc biệt, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp hầu như chưa có gì, chiến tranh và thiên tai diễn ra triền miên, môi trường sinh thái bị xuống cấp nghiêm trọng, dân số tăng nhanh, trong khi đó chúng ta buộc phải tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững (chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là nhịp độ tăng GDP bình quân 7,5% năm, tổng GDP năm 2005 gấp hai lần so với năm 1995, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005⁽⁶⁾). Muốn vậy chúng ta phải có đội ngũ cán bộ KHCN có trình độ cao để nghiên cứu tiếp thu cái mới, công nghệ mới, phương pháp mới vận dụng vào trong sản xuất, để nâng cao năng suất lao động. Bởi xét cho đến cùng thì năng suất lao động là cái quyết định ai thắng ai giữa CNXH và CNTB.

II. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHCN Ở VIỆT NAM VÀ Ở ĐHQGHN

Tháng 7/1995 Bộ KHCN&MT phối hợp với Tổng cục thống kê đã tiến hành phỏng vấn 675 nhà khoa học ở 233 đơn vị khoa học công nghệ

⁽⁶⁾ Trích văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX tr.29

khác nhau về nhận định, đánh giá của họ về đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ hiện đang làm việc trong các cơ quan của mình bao gồm 225 cán bộ lãnh đạo đơn vị, chủ yếu là cấp trưởng, 233 cán bộ có học vị cao nhất trong đơn vị, 217 cán bộ nghiên cứu ở độ tuổi trung niên. Sau đây là tổng hợp ý kiến đánh giá từ các nguồn phỏng vấn trên: lực lượng cán bộ khoa học công nghệ ở nước ta nhìn chung có phẩm chất đạo đức, trung thành với đường lối lãnh đạo của Đảng, có lối sống giản dị, say mê và gắn bó với sự nghiệp khoa học và công nghệ của đất nước ... tuy nhiên chúng ta cũng có thể nêu lên một số nét về thực trạng đội ngũ cán bộ khoa học:

1. Sự thiếu hụt trầm trọng những cán bộ khoa học công nghệ có trình độ cao, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đang bị lão hoá và xói mòn do sự hấp dẫn của khu vực sản xuất và các liên doanh nước ngoài

Năm học 1996 -1997, cả nước có 100 trường đại học và cao đẳng (số liệu thống kê của Bộ GD&ĐT) gồm:

317 Giáo sư (1,41%)	3070 Phó tiến sĩ (13,64%)
1270 Phó giáo sư (5,6%)	2242 Thạc sĩ (9,94%)
275 Tiến sĩ (1,22%)	Đại học, kỹ sư, cử nhân (68,19%)

Độ tuổi trung bình của giáo sư là 58,5, số người đã công tác trên 30 năm chiếm 31,6%, số cán bộ giảng dạy trẻ (thâm niên < 5 năm) chỉ có khoảng 13,55%.

Một thực tế là đội ngũ cán bộ KH-CN đang bị "lão hoá". Đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ trẻ dưới 35 tuổi có học hàm, học vị chỉ chiếm dưới 3% tổng số cán bộ KH-CN. Tuổi bình quân của cán bộ lãnh đạo là 52,5 tuổi, cấp trưởng là 55, cấp phó là 50,9. Số cán bộ lãnh đạo có độ tuổi từ 45 trở xuống chỉ chiếm 17,1%. Tuổi trung bình của các cán bộ khoa học công nghệ đầu đàn, các GS ở các trường đại học là 58,5.

Để có bức tranh tổng quát về đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, chúng tôi xin đưa ra số liệu sau đây của Phạm Thị Thanh Hà⁽⁷⁾ như sau: Tính bình quân trong 1000 cán bộ khoa học công nghệ thì chỉ có 05 GS,

⁽⁷⁾ Báo nhân dân số 12/5/1998.

1,7 PGS, 0,8 TS và 8,5 PTS. Trong khi đó tỷ lệ này ở các nước phát triển là 25 - 30% số cán bộ có học hàm, học vị cao.

Đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ của chúng ta đã tăng lên về số lượng và chất lượng. Tính đến đầu năm 2000 cả nước có khoảng trên 80 vạn người có trình độ đại học trở lên, trong đó có khoảng 3850 GS, PGS có khoảng 1900 người đang làm việc, chủ yếu ở các trường đại học và Viện nghiên cứu, số còn lại đã nghỉ hưu. Khoảng 9500 TS và 600 TSKH. ở Việt Nam tính ra mỗi bộ môn mới có 1GS hoặc PGS (so với nhiều nước trên thế giới thì như vậy là còn quá ít)⁽⁸⁾.

Tuy nhiên số cán bộ KHCN so với số dân thì ở Việt Nam là thấp, hiện nay có khoảng 4 cán bộ KHCN trên 10.000 dân (chỉ số này ở Singapore là 40; Hàn Quốc 40; Nhật Bản 81. đồng thời đội ngũ này chủ yếu được đào tạo và hoạt động trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, phù hợp với yêu cầu quản lý Nhà nước trong giai đoạn đặc thù đó.

Trong năm 2000 chúng ta đã giành khoảng 1.930 tỷ đầu tư cho KHCN (kể cả việc trả lương cho cán bộ KH&CN), so với thế giới, con số này vẫn còn khiêm tốn, nhưng so với khả năng của Nhà nước thì đây là cố gắng và quyết tâm lớn của Chính phủ trong giai đoạn đầu của quá trình CNH-HĐH đất nước⁽⁹⁾.

2 .Về chất lượng đào tạo và năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ KHCN

Qua tổng hợp 1689 ý kiến phỏng vấn về nguyên nhân của tình trạng có tới hơn 1/4 đội ngũ cán bộ khoa học (27,71%) ít phát huy được tác dụng của mình, trong đó 40,56% số ý kiến cho rằng là do năng lực yếu và chất lượng đào tạo chưa tốt. Tỷ lệ còn lại do 4 nguyên nhân sau: do thu nhập: 26,06; do sử dụng cán bộ chưa tốt 19,48%, do trái nghề: 11,31% và do nguyên nhân khác: 7,4%.

Tóm lại nhận xét về đội ngũ cán bộ KHCN của nước ta qua bản tổng kết hoạt động của Bộ KHCN&MT như sau: "Đội ngũ không được

⁽⁸⁾ GS.TS. Đỗ Trần Cát, Tổng thư ký Hội đồng chức danh GS Nhà nước, "Không có sự phân biệt trong bình bầu chức danh Báo Lao động ngày 10/10/2001.

⁽⁹⁾ TS. Nguyễn Thanh Thịnh, "Đổi mới cơ chế chính sách, tạo động lực cho khoa học và công nghệ trong sự nghiệp CNH-HĐH ở Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ 21" *kỷ hiệu hội thảo CNH, HĐH đất nước*. Mục tiêu, Nội dung, Phương thức, tr28

trẻ hoá, cán bộ già đến tuổi nghỉ hưu ngày một tăng, kiến thức không được cập nhật, thậm chí trong nhiều trường hợp còn bị lạc hậu so với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, nhân tài phân tán, một phần ra nước ngoài, một phần làm việc tại các công ty hưởng lương cao hơn, cơ cấu đội ngũ cán bộ KHCN chưa được phân bố hợp lý theo lĩnh vực chuyên môn, nhất là các ngành ưu tiên". Nghị quyết Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 3 khoá XIII đánh giá đội ngũ cán bộ KHCN như sau: "Cán bộ khoa học có tâm huyết, có năng lực sáng tạo, tiếp thu nhanh khoa học mới, nhưng chất lượng chưa cao, năng lực thực hành còn yếu, thiếu nhiều chuyên gia giỏi, một số cán bộ chưa say mê nghiên cứu khoa học, thiếu hoài bão lớn, chưa đem hết tài trí phục vụ đất nước, ít gắn với sản xuất và cơ sở, thiếu tinh thần hợp tác".

Như chúng ta đã biết, ĐHQGHN có tiềm năng to lớn về nguồn lực KHCN và được đầu tư đồng bộ về trang thiết bị (đặc biệt là thiết bị bảng A). Tổng số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu là 1336 trong đó: Nhà giáo Nhân dân 11, Nhà giáo ưu tú 67, Giáo sư: 48, Phó giáo sư: 155, Tiến sĩ khoa học: 47, Tiến sĩ: 413, Thạc sĩ: 318. trong đó có 218 cán bộ dưới 30 tuổi, 687 từ 30 - 50 tuổi, 354 người từ 51 - 60 tuổi, trên tuổi nghỉ hưu là 83 người⁽¹⁰⁾.

ĐHQGHN là một trung tâm đại học mạnh, có một đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học có năng lực và giàu kinh nghiệm, tâm huyết với công việc, có nhiều nhà khoa học đầu ngành có danh tiếng và uy tín cao trong nước cũng như quốc tế. Được giao chủ trì nhiều chương trình KHCN và đề tài độc lập cấp Nhà nước. Tổ chức nhiều hội thảo quốc gia và quốc tế. Được Đảng và Chính phủ quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi để xây dựng một mô hình đại học mới: đa ngành, đa lĩnh vực tiến tới đạt trình độ khu vực và ngang tầm quốc tế ... chính vì vậy kinh phí dành cho NCKH hàng năm được tăng lên không ngừng:

⁽¹⁰⁾ Báo cáo của Ban tổ chức Cán bộ tính đến 30/6/2001

Năm	Kinh phí (triệu đồng)
1995	1.155
1996	4.128
1997	5.517
1998	8.730
1999	10.400
2000	16
2001	20.080

Theo báo cáo của Bộ trưởng Nguyễn Minh Hiền (Hội nghị Giáo dục đại học lần thứ 3 từ 1- 3/10 tại HN) thì 50% giáo viên đại học chưa có công trình NCKH. Nếu so với tỷ lệ trên thì ở ĐHQGHN tình hình có khả quan hơn nhiều, kinh phí NCKH bình quân cho một người là 12 triệu, khoảng 70% cán bộ giảng dạy có công trình NCKH từ cấp trường trở lên. Trong năm học 2000 -2001, cán bộ ĐHQGHN đã chủ trì nhiều chương trình, đề tài cấp Nhà nước, hàng trăm đề tài NCCB, đã thực hiện 683 đề tài nghiên cứu (bảng 1)

Bảng 1. Các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học của ĐHQGHN năm học 2001 - 2002

TT	Loại nhiệm vụ	Giai đoạn	
		2000	2001
I. Cấp Nhà nước			
1	Chương trình KHCN cấp Nhà nước	6	2
2	Đề tài độc lập	4	5
3	Dự án sản xuất thử - thử nghiệm	2	0
4	Nhiệm vụ quản lý nhà nước về Môi trường	0	5
5	Đề tài NCCB trong KHTN	91	101
6	Đề tài NCCB trong KHxHNV	0	10
II. Cấp ĐHQGHN			
7	Đề tài trọng điểm	5	5
8	Đề tài đặc biệt	26	35
9	Đề tài NCKH	85	108
10	Dự án SXT-TN	4	0
III. Cấp đơn vị			
11	Đề tài cấp đơn vị	75	116

Bên cạnh việc tăng kinh phí cho các đề tài NCKH, ĐHQGHN cũng rất chú trọng tăng cường trang thiết bị nghiên cứu. Trong 2 năm 2000 - 2001, kinh phí Bộ KH&MT cấp cho ĐHQGHN là 6,7 tỷ được phân bổ cho các trung tâm nghiên cứu như sau(bảng 2)

Bảng 2. Kinh phí tăng cường trang thiết bị cho ĐHQGHN năm học 2000 - 2001 (tr.đồng)

TT	Đơn vị	2000	2001
1	Trung tâm CNSH và bảo tàng giống VSV	4300	2300
2	Trung tâm nghiên cứu động lực biển	1000	500
3	Trung tâm Hoá dầu	500	500
4	Trung tâm CNMT& PTBV	0	700
5	Trung tâm NCTN&MT	0	200
	Cộng	5.800	4.200

- ĐHQGHN có chủ trương hoạch định chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trẻ để thay thế các cán bộ đầu ngành đã sắp đến tuổi nghỉ hưu. ĐHQGHN là đơn vị mở lớp đào tạo cử nhân tài năng đầu tiên trong toàn quốc cho 4 chuyên ngành (Toán - Cơ tin học, Vật lý, Hoá học, Công nghệ sinh học). Các sinh viên này được ưu tiên về thầy dạy, giáo trình, phòng thí nghiệm, không phải đóng học phí. Khóa đầu tiên đã ra trường đều được giữ lại làm cán bộ giảng dạy, một số được chuyển tiếp ra nước ngoài học tập. Năm học 2001 - 2002 Khoa Công nghệ ĐHQGHN đã mở khoá đầu tiên đào tạo hệ cử nhân Tin học tài năng gồm 200 sinh viên và hệ đào tạo cao học Tin học tài năng gồm 15 học viên.

- ĐHQGHN chủ động tìm nguồn kinh phí NCKH ngoài ngân sách như tranh thủ các dự án, đề tài hợp tác quốc tế

- Cử các giáo viên trẻ đi thực tập, học tập ngắn hạn, dài hạn ở nước ngoài để nâng cao chuyên môn.

III.MỘT VÀI ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KH&MT Ở ĐHQGHN

1. Phát huy sức mạnh đội ngũ CBGD trong ĐHQGHN, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản,đây là nguồn nhân lực vô giá góp phần không nhỏ vào việc đào tạo nguồn nhân lực KH&MT cho đất nước.

2. Hệ thống cán bộ nghiên cứu không có, mà chủ yếu là kiêm nhiệm (điều này gây cản trở không nhỏ trong việc thúc đẩy NCKH). Chính vì vậy trong những năm tới cần có cán bộ nghiên cứu trong các viện hoặc các trung tâm, mở ra một hướng mới cho ĐHQGHN.

3. Hầu hết các phòng thí nghiệm của các trung tâm nghiên cứu là lạc hậu, vì vậy các phòng thí nghiệm cần phải được trang bị đồng bộ hiện đại, đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

4. Tạo mọi điều kiện cho cán bộ trẻ được làm NCKH. Trong bài "Vì một nền giáo dục tiên tiến) Báo giáo dục thời đại ngày 13/10/2001. GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu (CNK Công nghệ - ĐHQGHN) nhận xét: Đặc điểm của đội ngũ giảng viên đại học hiện nay là lên lớp giảng quá nhiều giờ trong một tuần, không còn thời gian để nghiên cứu khoa học, dần dần trở nên quen với công việc dạy lặp đi lặp lại những bài giảng hàng chục năm không có tiến bộ gì mấy, ngại đọc sách, ngại nghiên cứu khoa học...

5. Mở rộng hợp tác quốc tế để giáo viên và sinh viên có dịp tiếp xúc với các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực đào tạo. Vì theo ý kiến của PGS. Nguyễn Hữu Xý thì cán bộ ĐHQGHN ít có điều kiện tiếp cận với khoa học hiện đại hơn các cơ quan bên ngoài⁽¹¹⁾. Chúng ta được biết hàng năm Trường Đại học Bách khoa hàng năm đã bỏ ra 1 tỷ đồng bằng vốn tự có để gửi cán bộ trẻ ra nước ngoài đào tạo, nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên được giữ lại trường làm CBGD được học cao học ngay sau khi tốt nghiệp⁽¹²⁾. Nên chăng ĐHQGHN cũng có thể học tập mô hình trên để đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận.

6. Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí NCKH, kết hợp với việc đào tạo sau đại học.

7. Để tạo tiền đề cho việc đào tạo chất lượng cao trong ĐHQGHN, cần phải đổi mới công tác tuyển sinh.

8. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tăng nguồn kinh phí NCKH ngoài ngân sách (bằng các đề tài, dự án hợp tác quốc tế ...)

9. Cần có sự liên kết giữa trường và Viện trong NCKH để tận dụng đội ngũ CBKH và trang thiết bị hiện đại của các viện nghiên cứu.

⁽¹¹⁾ Toạ đàm về nâng cao chất lượng NCKH ở ĐHQGHN ngày 19/1/1999.

⁽¹²⁾ Trích bài Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trẻ ở trường ĐHBK HN, báo Tiền Phong số 151 ngày 10/10/2001

KẾT LUẬN

Phát triển đất nước một cách bền vững, đưa đất nước bước vào thời kỳ CNH và HĐH đất nước, trước hết phải dựa vào và bằng KHCN, bằng nguồn nhân lực có trình độ trí tuệ cao. Sự ra đời của các ĐHQG và đại học vùng đã phần nào nhằm đáp ứng nhu cầu trên. ĐHQGHN đã và đang phấn đấu để trở thành một trung tâm khoa học hàng đầu quốc gia và một đầu mối quan trọng để hội nhập và giao lưu quốc tế, nhất là về khoa học cơ bản và các công nghệ cao. ĐHQGHN đang thực hiện chương trình hành động "Nâng cao chất lượng đào tạo" và đã triển khai rộng rãi xuống các trường thành viên và các khoa trực thuộc. Sau Hội nghị Giáo dục đại học lần thứ 3 tổ chức từ 1 - 3 /10 tại Hà Nội, ĐHQGHN có chủ trương đổi mới tuyển sinh đại học (bắt đầu từ năm học 2002 -2003), mỗi khối thi có 1 môn thi trắc nghiệm, học sinh phải đạt 5 học kỳ xếp loại văn hoá khá mới được thi vào ĐHQGHN. Hoạt động NCKH trong ĐHQGHN đã và đang khẳng định vị thế của mình là một đầu mối khoa học, có thế mạnh về nghiên cứu cơ bản, đa ngành, đa lĩnh vực ... Cùng với các trường đại học trên toàn quốc, ĐHQGHN đang phấn đấu để trở thành một trung tâm đại học lớn của cả nước, xứng đáng với sự quan tâm và sự đầu tư của Đảng và Nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (NXB chính trị quốc gia, 2001).
2. Kỷ yếu Hội thảo công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước: Mục tiêu, Nội dung và Phương thức (NXB ĐHQGHN, 2001).
3. Quy hoạch phát triển hệ thống nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ ở Việt Nam (Nguyễn Thanh Thịnh Đào Duy Tính, Lê Dũng) NXB chính trị quốc gia, 1999.
4. Phát triển nguồn nhân lực KHCN (Trần Xuân Định) sách dùng cho đào tạo thạc sĩ khoa học chuyên ngành "Chính sách Khoa học và Công nghệ" 1997.
5. Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học công nghệ ĐHQGHN, năm học 2000 -2001 và phương hướng cho giai đoạn 2002 -2005 ,và báo cáo kết quả kiểm tra hiệu quả sử dụng các trang thiết bị bảng A (đợt I) của ĐHQGHN (Ban KHCN).